

Số 158/2020/QĐST-HNGĐ

K, ngày 04 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 83/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020, về việc: Xin ly hôn, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị E, sinh năm 1987

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay tại: P 608, CT 7B, Khu đô thị S, xã S, huyện K, thành phố Hà Nội.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân N, sinh năm 1980

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay tại: P 608, CT 7B, Khu đô thị S, xã S, huyện K, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 án của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị E và anh Nguyễn Xuân N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị E và anh Nguyễn Xuân N, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị E và anh N xác định anh, chị có hai con chung là cháu Nguyễn Xuân R, sinh ngày 30/9/2013 và cháu Nguyễn Khánh J, sinh ngày 10/12/2016.

+ Giao cho chị Nguyễn Thị E là mẹ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Xuân R và cháu Nguyễn Khánh J kể từ thời điểm vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về nuôi con.

+ Anh Nguyễn Xuân N không pR cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị E đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

***Anh Nguyễn Xuân N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.***

2.2. Về tài sản và nợ chung vợ chồng: Hai bên thống nhất tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không xét.

2.3. Về án phí sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị E chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị E đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/0005121 ngày 28/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hà Nội. Hoàn trả chị E 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pR thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện K;
- TAND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Tứ Yên, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc (theo GCNKH số 04/2013; quyền số 01/2013 ngày 21/01/2013);
- Các đương sự;
- Lưu HS;

**THẨM PHÁN**

**Vũ Quang Dũng**

